

Bản án số: 48/2020/DSPT
Ngày 11- 3- 2020
V/v: “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: 1. Bà Đinh Thị Tuyết.

2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân thụ lý số: 252/2019/TLPT- DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DSST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vy Văn K và chị Trương Thị S; Địa chỉ: Thôn 1A, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; người đại diện theo ủy quyền của chị S: Anh Vy Văn K, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị C; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Người đại diện theo ủy quyền của bà C và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan): Ông Trần Khắc D; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Ông D có mặt bà C vắng mặt)

3.2. Anh Nguyễn Văn T1; Chị Nguyễn Thị T2 (có ý kiến từ chối tham gia tố tụng)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông

3.3. Anh Nguyễn Văn T3; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông (có mặt)

3.4. Bà Chu Thị H; Ông Vy Văn K; Địa chỉ: Thôn M, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L trình bày:

Vào năm 1994, vợ chồng ông H khai hoang được một lô đất để canh tác tại thôn M, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 12/11/1999, Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P222343 đứng tên hộ Nguyễn Ngọc H với tổng diện tích 21.025 m² gồm có 08 thửa đất tại thôn M, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có: Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13, diện tích 700m² và thửa đất số 08a, tờ bản đồ số 13, diện tích 685m². Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông H và bà L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Đến năm 2005, ông H phát hiện gia đình anh Vy Văn K và chị Trương Thị S (S) đã tự đến làm ăn sinh sống trên 02 thửa đất trên của vợ chồng ông H. Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông C; Phía Tây giáp đất ông V; Phía Nam giáp đất ông B; Phía Bắc giáp đất ông T. Sau đó, vợ chồng ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông K, chị S tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất nói trên cho vợ chồng ông H nhưng vợ chồng anh K không chịu trả, anh K cho rằng diện tích đất nói trên là của bố anh K là ông Vy Quang M (ông M đã chết) mua của ông Trần Khắc D. Việc mua bán giữa ông M và ông D vợ chồng ông H không biết, vợ chồng ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông D không thể tự ý bán được.

Ngày 05/8/2011, vợ chồng ông H khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã E, thị xã B về việc yêu cầu anh K trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, Ủy ban nhân dân xã đã mời hai bên lên làm việc nhưng hai bên không thống nhất được vì anh K cho rằng diện tích đất mà vợ chồng anh K đang sinh sống là của ông M (bố anh K) mua của ông D, ông M chết để lại cho anh K quản lý, sử dụng. Vào ngày 20/9/2011, vợ chồng ông H tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã E. Ủy ban nhân dân xã E đã triệu tập ông D đến làm việc để làm rõ sự việc nhưng tại buổi hòa giải ông D không có mặt theo giấy triệu tập và vợ chồng anh K cũng không đồng ý trả lại đất cho vợ chồng ông H.

Do cấp UBND xã không giải quyết được nên vợ chồng ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Vy Văn K và chị Trương Thị S (S) phải trả cho ông H diện tích đã lấn chiếm là 1.385m², gồm thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13, diện tích 700m² và thửa đất số 08a, tờ bản đồ số 13, diện tích 685m² tọa lạc tại thôn M, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P222343 đứng tên hộ Nguyễn Ngọc H.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 13/7/2017 ông H, bà L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh K chị S trả lại diện tích 700m², thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13. Đối với diện tích 685m² thuộc thửa đất số 8a, tờ bản đồ số 13 ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vy Văn K trình bày:

Anh Vy Văn K là con trai của ông Vy Quang M (đã chết). Vào năm 2005 gia đình anh K có mua một lô đất của gia đình ông Trần Khắc D đối với diện tích đất gia đình anh K đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của bố anh K là ông Vy Quang M mua của ông Trần Khắc D vào năm 2005 với giá 12.000.000 đồng, hai bên chỉ viết giấy sang nhượng tay với nhau, không có chính quyền địa phương xác nhận. Sau đó, ông M làm nhà ở đến năm 2010 thì ông M chết, hiện nay vợ chồng anh K, chị S đang quản lý và sử dụng lô đất nói trên. Nay vợ chồng ông H, bà L yêu cầu phải trả lại diện tích đất nói trên vợ chồng anh K, chị S không chấp nhận với lý do diện tích đất này ông M (bố đẻ anh K) mua của ông D. Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng anh K.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Trần Khắc D trình bày: Về nguồn gốc và diện tích đất thửa 09 tờ bản đồ số 13, diện tích 700m² do ông H bà Lan đứng tên người sử dụng mà hiện nay ông K bà S đang trực tiếp quản lý sử dụng như nguyên đơn bị đơn trình bày do gia đình ông D khai hoang năm 1988. Ông Nguyễn Ngọc H là cháu của bà Nguyễn Thị C và năm 1994 có vào xã E để làm kinh tế. Thời điểm này ông H chưa có đất để làm nhà ở nên năm 1994 gia đình ông D (Bố mẹ là Ông Trần Khắc T, bà Nguyễn Thị C) cho gia đình ông H, bà L mượn để canh tác và sử dụng đến năm 2002 thì gia đình ông D lấy lại. Năm 2005, gia đình ông D sang nhượng lại cho ông M (bố của anh K) làm nhà ở cho đến nay, hai bên đã giao đất và nhận tiền đầy đủ. Việc ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên thì ông D không hề hay biết. Nay vợ chồng ông H, bà L yêu cầu anh K, chị S trả lại đất, ông D yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ nguồn gốc đất và yêu cầu ông H, bà L trả lại quyền sử dụng đất cho anh K để anh K kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T2 và quan anh Nguyễn Văn T3 có cùng quan điểm, trình bày: Về quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L số BA 189529, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13, diện tích 700m²; địa chỉ: Thôn M, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tài sản riêng của bố mẹ chúng tôi tạo lập từ năm 1994, khi đó tôi con nhỏ

không có đóng góp gì vào tài sản trên. Đồng thời có ý kiến trình bày từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị H, trình bày có nội dung: Tôi là vợ của ông Vy Quang M và là mẹ đẻ của anh Vy Văn K. Vào năm 2005, chồng tôi là ông Vy Quang M có mua của ông Trần Khắc D 01 lô đất diện tích khoảng 1.000m², khi mua chồng tôi là người trực tiếp đứng ra mua nên tôi không biết hai bên có lập giấy tờ gì không. Năm 2010, chồng tôi chết và để lại toàn bộ diện tích đất trên cho con trai chúng tôi là anh Vy Văn K. Hiện nay, anh K đang trực tiếp quản lý và sử dụng lô đất nêu trên, tôi có làm một căn nhà gỗ trên đất. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị L về việc yêu cầu vợ chồng con trai tôi là anh Vy Văn K, chị Trương Thị S phải trả lại diện tích đất mà gia đình tôi đã mua của ông Trần Khắc D thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật, tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này, anh Kh được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Vy Văn K1, trình bày: Tôi là anh họ của anh Vy Văn K, vào năm 2012, tôi có mượn một phần đất của anh K để làm nhà. Hiện nay tôi vẫn sinh sống trên lô đất và dựng một ngôi nhà gỗ trên đất. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị L về việc yêu cầu anh Vy Văn K, chị Trương Thị S phải trả lại diện tích đất mà gia đình tôi đã mượn của anh K thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật, tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này, anh K được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, khoản 2 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 3 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 105, 107, 136 Luật đất đai năm 2003.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L về việc yêu cầu anh K, chị S trả lại diện tích 685m² thuộc thửa đất số 8a, tờ bản đồ số 13.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L về việc yêu cầu anh Vy Văn K và chị Trương Thị S (S) phải trả diện tích 700m² đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13 (bản đồ đo đạc năm 1991) nay thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ 76 (bản đồ đo đạc năm

2010) có GCNQSD đất số BA189529 do UBND thị xã B cấp ngày 23/9/2010 mang tên ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L, có vị trí tứ cận theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ như sau: Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn C cạnh dài 27m; Phía Tây giáp đất ông Long Văn T cạnh dài 23m; Phía Nam đất anh Trần Khắc Q cạnh dài 23m; Phía Bắc giáp đất của bà H và đường đi cạnh dài 27m.

3. Kiến nghị UBND thị xã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 189529 đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13, diện tích 700m², cấp ngày 23/9/2010 mang tên ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị L và cấp lại theo nguồn gốc và chủ sử dụng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/10/2019 Nguyên đơn kháng cáo với nội dung: Bị đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn;

Tại phiên tòa người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm, phân tích, đánh giá, lập luận và cho rằng:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ theo trình bày của ông Trần Khắc D là người chuyển nhượng thửa đất cho ông Vy Quang M xác định: Nguồn gốc thửa đất số 9 là do gia đình ông D khai hoang từ năm 1988, lúc đó xã E chưa thành lập. Ngoài ra có các nhân chứng là ông Chu Văn T, ông Long Văn L, ông Thân Văn A, ông Lê Quang Đ là những người sinh sống tại thôn M, xã E từ năm 1990 đều xác định thửa đất đang tranh chấp số 09 có nguồn gốc là mẹ ông D là bà C khai hoang. Khoảng cuối năm 1996 thì ông H bà L làm nhà trên đất gia đình bà C khai hoang. Trong thời gian ông H làm nhà thì bà C không có ý kiến gì. Năm 1999 xã E cấp bìa đỏ, lúc đó có 02 cán bộ địa chính về làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ nên có sai sót.

Như vậy về nguồn gốc thửa đất tranh chấp thì ông H bà L và ông D đều không có giấy tờ chứng minh. Tuy nhiên việc ông H cho rằng gia đình khai hoang đất vào năm 1994 là không có cơ sở, vì thời điểm năm 1994 khu vực thôn M, xã E là trung tâm xã và đã được quy hoạch phân lô, dân cư đông đúc nên toàn bộ diện tích đất đã có chủ sử dụng thực tế, không còn đất trống để khai hoang.

Do đó việc ông H cho rằng đã khai hoang thửa đất số 09 là không có cơ sở, nên việc UBND huyện K cấp Giấy CNQSDĐ trên ông H bà L là không đúng quy định. Điều này đã được TAND cấp cao tại Đà Nẵng nhận định tại Bản án số

02/2018/HC-GĐT ngày 03/8/2018. Do đó việc ông Hồng bà Lan khởi kiện yêu cầu ông Vy Văn K và bà Trương Thị S trả lại thửa đất số 9, tờ bản đồ 13 là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện là phù hợp, nên đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H là không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, có đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L cho rằng nguồn gốc thửa đất số 09 tờ bản đồ 13 diện tích 700 m² xã E là do ông bà khai hoang năm 1994 và được UBND huyện K (nay là Thị xã B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 là theo đúng quy định của pháp luật. Năm 2005 ông Vy Văn K, bà Trương Thị S làm nhà ở và sử dụng thửa đất của gia đình ông là xâm phạm đến quyền tài sản của ông bà. Nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc K bà S trả lại toàn bộ diện tích đã lấn chiếm tại thửa đất 07 tờ bản đồ 13.

Xét kháng cáo của ông H, bà L thì thấy rằng: Nội dung xác nhận của một số người làm chứng như ông Trần Văn V, ông Trần Văn V1, ông Hoàng Văn C thể hiện tại văn bản đề ngày 03/8/2015 do nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H cung cấp với lời khai ngày 10/6/2019 tại Tòa án cấp sơ thẩm là có sự mâu thuẫn, nên việc làm chứng này là không khách quan. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét trong việc đánh giá chứng cứ trong vụ án.

Đối với lời khai của ông Chu Văn T (*Nguyên là xã đội trưởng, Công an xã, Phó chủ tịch, Chủ tịch và Bí thư đảng ủy xã E*) và ông Long Văn L (là *Bí thư Chi bộ thôn M và là Bí thư Đảng ủy xã E đến năm 2000*) đều xác định: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của bà Th (Nguyễn Thị C có chồng là Trần Khắc Th nên thường gọi là bà Th) canh tác trước năm 1992, đến năm 1994 ông H đến ở, lúc đó thửa đất này đã thành đất thuộc, không phải do ông H khai hoang, mà

do ông H mượn của bà Thê để canh tác. Khi làm sổ đỏ do ông H và địa chính làm thủ tục, chứ bà Thê không biết. Đồng thời, theo báo cáo 104/BC-UBND ngày 17/11/2014 của UBND xã E gửi Tòa án nhân dân thị xã B cũng thể hiện nội dung: “... đề nghị Tòa án tạm hoãn giải quyết vụ việc Tòa án đang thụ lý, để UBND xã tiếp tục hoà giải động viên cho anh em dòng họ (ông H, ông D) giải quyết tình cảm. UBND xã tiến hành xác minh các chủ sử dụng đất liền kề, những người biết rõ nguồn thừa đất đang tranh chấp cũng như nhận định của UBND, Ủy ban mặt trận tổ quốc xã, lãnh đạo Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân xã E xác định nguồn gốc thừa đất là của bà Th (bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của ông Trần Khắc D) cho ông H mượn đất để làm nhà ở tạm vào năm 1994, khi nào ông H có điều kiện chuyển đi nơi khác thì trả lại đất cho bà C. Năm 1999 ông H đang ở nhờ trên diện tích đất này đã kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận. Năm 2002 ông H chuyển lên ở tại đất rẫy thôn 1b và đến 2005 ông D mới chuyển nhượng lại cho ông K”.

Ngoài ra, tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2018/HC-GĐT ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng cũng đã nhận định: “UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 185929 ngày 23/9/2010 cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L là không đúng nguồn gốc và chủ sử dụng. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị UBND thị xã B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 185929 đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13, diện tích 700m², cấp ngày 23/9/2010 mang tên ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị L và cấp lại theo đúng nguồn gốc đất và chủ sử dụng theo đúng quy định của pháp luật là có cơ sở”.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L cho rằng nguồn gốc đất là do ông bà khai hoang là không có cơ sở chấp nhận. Do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét gia đình ông bà thuộc diện Hộ nghèo và có đơn xin cần miễn miễn toàn bộ án phí cho ông H, bà L theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DSST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, khoản 2 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 3 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 105, 107, 136 Luật đất đai năm 2003.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L về việc yêu cầu anh K, chị S trả lại diện tích 685m² thuộc thửa đất số 8a, tờ bản đồ số 13.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L về việc yêu cầu anh Vy Văn K và chị Trương Thị S (S) phải trả diện tích 700m² đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13 (bản đồ đo đạc năm 1991) nay thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ 76 (bản đồ đo đạc năm 2010) có GCNQSD đất số BA189529 do UBND thị xã B cấp ngày 23/9/2010 mang tên ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L, có vị trí tứ cận theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ như sau: Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn C cạnh dài 27m; Phía Tây giáp đất ông Long Văn T cạnh dài 23m; Phía Nam đất anh Trần Khắc Q cạnh dài 23m; Phía Bắc giáp đất của bà H và đường đi cạnh dài 27m.

Kiến nghị UBND thị xã B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 189529 đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 13, diện tích 700m², cấp ngày 23/9/2010 mang tên ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị L và cấp lại theo nguồn gốc và chủ sử dụng theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 27; khoản 5 Điều 11 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2010/0013119 ngày 18-10-2012 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 12; Điều 14; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng cho Ông Nguyễn Ngọc H theo biên lai thu số AA/2019/0004654 ngày 30/10/2019 và trả cho bà Trần Thị L số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0004655 ngày 30/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh